

Số: /HD-STTTT

Quảng Trị, ngày tháng 7 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Tiêu chí 8.9 có mô hình xã, thôn thông minh trong bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025

Căn cứ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định thực hiện một số chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025; Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Tiêu chí Mô hình thôn thông minh và Tiêu chí Chuyển đổi số trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025 như sau:

I. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ

1. Mô hình xã thông minh

Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá
Chính quyền số	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).	Đạt
	Tỷ lệ báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia đạt 100%.	Đạt

	Có hệ thống truyền thanh thông minh.	Đạt
Kinh tế số	100% sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã được cập nhật, quảng bá trên sàn thương mại điện tử.	Đạt
	80% các sản phẩm chủ lực của xã được ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc.	Đạt
Xã hội số	Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh.	Đạt
	Trên 80% người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng...	Đạt
	Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 80%.	Đạt
	100% cán bộ cấp xã, cán bộ thôn có kiến thức và kỹ năng số.	Đạt

2. Mô hình thôn thông minh

Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá
Hạ tầng số	Có hạ tầng Internet cáp quang và sóng di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình.	Đạt
	Có thành lập và triển khai các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn.	Đạt
Xã hội số	Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn.	Đạt
	Trên 60% người sử dụng Smartphone được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài	Đạt

	đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin.	
	Trên 80% hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến.	Đạt
	Trên 50% người dân trong độ tuổi lao động trong thôn có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh	Đạt
Kinh tế số	Có ít nhất một mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: an ninh trật tự, sản xuất - kinh doanh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, năng lượng, chiếu sáng, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương hiệu, thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, truyền thanh thôn...	Đạt

3. Đối với các thôn còn lại (thuộc xã có mô hình xã thông minh)

Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Đánh giá
Hoạt động ứng dụng công nghệ số	Có ít nhất 01 hoạt động ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực như: quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá, an ninh trật tự, du lịch nông thôn, môi trường,...	Đạt

III. Phương pháp đánh giá

1. UBND xã tự đánh giá kết quả các chỉ tiêu. Các chỉ tiêu đánh giá đạt đều phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu chỉ tiêu đề ra, có tài liệu minh chứng để chứng minh:

- Đối với tiêu chí mô hình xã thông minh, đánh giá dựa trên các biểu mẫu số 01, biểu mẫu số 04, biểu mẫu số 05, biểu mẫu số 06, biểu mẫu số 07, biểu mẫu số 08.

- Đối với tiêu chí mô hình thôn thông minh, đánh giá dựa trên các biểu mẫu số 02, biểu mẫu số 09, biểu mẫu số 10, biểu mẫu số 11.

- Đối với thôn còn lại (trừ mô hình thôn thông minh) thuộc mô hình xã thông minh đánh giá dựa trên biểu mẫu số 03, biểu mẫu số 13.

(Ngoài những biểu mẫu theo yêu cầu UBND xã cần cung cấp các văn bản, hình ảnh, video minh chứng để làm rõ hơn các Chỉ tiêu.)

Sau khi hoàn thiện tài liệu hồ sơ, tài liệu minh chứng, UBND xã làm tờ trình đề nghị UBND huyện thẩm tra.

2. Trên cơ sở Tờ trình UBND xã, UBND huyện sẽ tiến hành thẩm tra.

3. Nếu kết quả thẩm tra “Đạt”, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh xét, công nhận xã đạt Tiêu chí.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông về thực hiện **Tiêu chí 8.9 có mô hình xã, thôn thông minh** trong bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025, trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông qua Đ/c Tổng Việt Cường (số điện thoại: 0914830868) để hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;
- Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thị xã;
- Lưu: VT, Phòng BCVT-CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Huyền

Số:/ĐG-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20....

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ CÓ MÔ HÌNH XÃ THÔNG MINH

I. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

Căn cứ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí về quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định thực hiện một số chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình:

Đạt Không đạt

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản mật):

Đạt Không đạt

- Có hệ thống truyền thanh thông minh đảm bảo hoạt động tốt:

Đạt Không đạt

2. Kinh tế số

- 100% sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã được cập nhật, quảng bá trên sàn thương mại điện tử:

Đạt Không đạt

- 80% các sản phẩm chủ lực của xã được ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc:

Đạt Không đạt

3. Xã hội số

- Hạ tầng mạng băng thông rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh:

Đạt Không đạt

- Trên 80% người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng...:

Đạt Không đạt

- Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 80%:

Đạt Không đạt

- 100% cán bộ cấp xã, cán bộ thôn có kiến thức và kỹ năng số:

Đạt Không đạt

4. Có mô hình thôn thông minh

Đạt Không đạt

5. Các thôn còn lại

Có hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

Đạt Không đạt

Vậy, Xã Đạt/Không đạt Chỉ tiêu có mô hình xã thông minh./.

**TM.UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

Số:/ĐG-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20....

ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH THÔN THÔNG MINH

I. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

Căn cứ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí về quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định thực hiện một số chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 30/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Hạ tầng số

Có hạ tầng Internet cáp quang và sóng di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình:

Đạt Không đạt

2. Xã hội số

- Có thành lập và triển khai các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn:

Đạt Không đạt

- Cán bộ thôn có ứng dụng các nền tảng số để thông tin, tuyên truyền đến người dân trong thôn:

Đạt Không đạt

- Trên 60% người sử dụng Smartphone được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin:

Đạt Không đạt

- Trên 80% hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến:

Đạt Không đạt

Trên 50% người dân trong độ tuổi lao động trong thôn có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh:

Đạt Không đạt

3. Kinh tế số

Có ít nhất một mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: an ninh trật tự, sản xuất - kinh doanh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, năng lượng, chiếu sáng, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương hiệu, thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, truyền thanh thôn...:

Đạt Không đạt

**TM.UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../ĐG-UBND

..., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐÁNH GIÁ THÔN CÓ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ

I. CĂN CỨ ĐÁNH GIÁ

Căn cứ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và bộ tiêu chí về quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định thực hiện một số chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ*

1. Thôn.... thuộc xã..... có hoạt động ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực: (quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá, an ninh trật tự, du lịch nông thôn, môi trường)

2. Thôn.... thuộc xã..... có hoạt động ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực: (quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá, an ninh trật tự, du lịch nông thôn, môi trường)

3....

**TM.UBND XÃ
CHỦ TỊCH**
(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: * Đánh giá các thôn trong xã để báo cáo

Mẫu số 04. Đánh giá tỷ lệ phần trăm sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của xã được cập nhật, quảng bá trên sàn thương mại điện tử

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã được cập nhật, quảng bá trên sàn thương mại điện tử

1. Danh sách sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã

STT	Tên sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã	Đường dẫn (link) minh chứng các sản phẩm được đưa lên sàn thương mại điện tử
1		
2		
3		
...		

2. Đánh giá

Xã có.....sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực của xã được quảng bá trên sàn thương mại điện tử trên tổng số sản phẩm OCOP và các sản phẩm chủ lực, đạt tỷ lệ.....%

3. Kết luận

Xã..... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

TM.UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 05. Đánh giá tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc

1. Danh sách sản phẩm chủ lực của xã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc

STT	Tên sản phẩm chủ lực của xã	Hình ảnh mã QR sản phẩm để thực hiện truy xuất nguồn gốc
1		
2		
3		
...		

2. Đánh giá

Xã có.....sản phẩm chủ lực của xã ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc trên tổng số sản phẩm chủ lực, đạt tỷ lệ.....%

3. Kết luận

Xã.... đạt/không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

TM.UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 06. Đánh giá Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác

1. Danh sách người dân trong độ tuổi lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh	Thôn/bản	Loại hình dịch vụ sử dụng (Có thì gõ loại hình dịch vụ, không thì để trống)
1				
2				
3				
4				
....				

2. Đánh giá

Xã có..... người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trên tổng số người dân trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ.....%

3. Kết luận

Xã.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

TM.UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

UBND XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**Tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng
điện thoại thông minh**

1. Danh sách người dân theo độ tuổi lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số điện thoại	Thôn/bản	Mạng di động (Viettel, mobie, vina)	Có sử dụng điện thoại thông minh (Đánh dấu X nếu có)
1						
2						
3						
4						
...						

2. Đánh giá

Xã có..... người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người dân trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ.....%

3. Kết luận

Xã.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Tỷ lệ cán bộ cấp xã, cán bộ thôn có kiến thức và kỹ năng số

1. Danh sách cán bộ cấp xã

STT	Họ và tên	Chức vụ	Có kiến thức và kỹ năng số (Đánh dấu X nếu có)
1			
2			
3			
...			

2. Danh sách cán bộ thôn

STT	Họ và tên	Chức vụ + Tên thôn	Có kiến thức và kỹ năng số (Đánh dấu X nếu có)
1			
2			
3			
...			

3. Đánh giá

- Xã có.....cán bộ có kiến thức và kỹ năng số trên tổng số cán bộ xã, đạt tỷ lệ.....%

- Xã có.....cán bộ thôn có kiến thức và kỹ năng số trên tổng số cán bộ thôn, đạt tỷ lệ.....%

4. Kết luận

Xã.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

* Tiêu chí này có thể xã cung cấp danh sách cán bộ xã/thôn đã được đào tạo hoặc tập huấn về chuyển đổi số trong đó có nội dung sử dụng kỹ năng số... để tính tỷ lệ.

TM.UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 09. Đánh giá Tỷ lệ người sử dụng Smartphone được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ người sử dụng Smartphone được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu, trao đổi thông tin

1. Danh sách người dân sử dụng điện thoại thông minh thôn...

STT	Họ và tên	Số điện thoại	Được hướng dẫn, tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu trao đổi thông tin (Đánh dấu X nếu có, để trống nếu không)
1			
2			
3			
...			

2. Đánh giá

Thôn có người sử dụng điện thoại thông minh được tập huấn, đào tạo các kỹ năng cài đặt, sử dụng các phần mềm, nền tảng số hỗ trợ cho việc tìm kiếm, tra cứu trao đổi thông tin trong tổng số... người sử dụng điện thoại thông minh, đạt tỷ lệ....

3. Kết luận

Thôn.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

Người lập biểu
Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ và tên)

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Ngoài bảng biểu, UBND xã cần cung thêm một số văn bản, hình ảnh, video...minh chứng về các lớp hướng dẫn, đào tạo, tập huấn.

Mẫu số 10. Đánh giá Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến

1. Danh sách hộ sản xuất, kinh doanh thôn...

STT	Họ và tên (chủ hộ sản xuất, kinh doanh)	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh	Được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến (Đánh dấu X nếu có, để trống nếu không)
1			
2			
3			
...			

2. Đánh giá

Thôn có....hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến trong tổng số... hộ sản xuất, kinh doanh, đạt tỷ lệ....

3. Kết luận

Thôn.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

Người lập biểu
Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ và tên)

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Ngoài bảng biểu, UBND xã cần cung thêm một số văn bản, hình ảnh, video...minh chứng về các lớp đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, kỹ năng.

Mẫu số 11. Đánh giá Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động trong thôn có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động trong thôn có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh

1. Danh sách người dân trong độ tuổi lao động thôn...

STT	Họ và tên	Năm sinh	Có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh (Đánh dấu X nếu có, để trống nếu không)

2. Đánh giá

Thôn có người dân trong độ tuổi lao động có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, học phí, khám chữa bệnh trên tổng số người dân trong độ tuổi lao động, đạt tỷ lệ....

3. Kết luận

Thôn.... đạt/ không đạt tỷ lệ theo yêu cầu.

Người lập biểu
Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ và tên)

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 12. Đánh giá mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số
UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

1. Mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

STT	Tên mô hình	Mô tả mô hình	Hình ảnh, tài liệu minh chứng
1			
...			

2. Kết luận

Thôn.... có/không mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số đạt theo yêu cầu.

(Tài liệu minh chứng là hồ sơ liên quan đến mô hình)

Người lập biểu
Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ và tên)

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

UBND XÃ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Ứng dụng công nghệ số

1. Hoạt động ứng dụng công nghệ số

STT	Tên hoạt động	Mô tả hoạt động	Hình ảnh, tài liệu minh chứng
1			
...			

2. Kết luận

Thôn.... có/không hoạt động ứng dụng công nghệ số đạt theo yêu cầu.

Người lập biểu
Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ và tên)

TM.UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)